



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Khoa xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng
Laboratory: Department of Imaging, Diagnostics, and Testing
Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai
Organization: Gia Lai Center for Disease Control
Số hiệu/ Code: VILAS 1206
Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực: Hóa, Sinh
Field: Chemical, Biological
Người quản lý: Hồ Bang
Laboratory manager: Ho Bang
Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày / /2025 đến ngày 24/11/2025
Địa chỉ: 177 Cách Mạng Tháng Tám, phường Hoa Lư, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Address: 177 Cach Mang Thang Tam, Hoa Lu ward, Pleiku city, Gia Lai Province
Địa điểm: 177 Cách Mạng Tháng Tám, phường Hoa Lư, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Location: 177 Cach Mang Thang Tam, Hoa Lu ward, Pleiku city, Gia Lai Province
Điện thoại/ Tel: 02693 824 372
Email: cdc@gialai.gov.vn
Website: www.ttkstb.gialai.gov.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1206

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Nước sạch Domestic water	Xác định độ màu <i>Determination of colour</i>		TCVN 6185:2015
2.		Xác định hàm lượng Sắt Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1,10-phenantrolin <i>Determination of Iron content Spectrometric method using 1,10-phenantrolin</i>	0,02 mg/L	TCVN 6177:1996 (ISO 6332:1998)
3.		Xác định tổng Canxi và Magiê Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of the sum of calcium and magnesium EDTA titrimetric method</i>	5,17 mg/L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984)
4.		Xác định hàm lượng Clorua. Chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat (Phương pháp Mo) <i>Determination of Chloride content Silver nitrate titration with chromate indicator (Mohr's method)</i>	5,02 mg/L	TCVN 6194:1996 (ISO 9297:1987)
5.		Xác định chỉ số Pemanganat <i>Determination of Permanganate index</i>	0,5 mg O ₂ /L	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)
6.		Xác định hàm lượng Nitrit Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử. <i>Determination of Nitrite content Molecular absorption spectrometric method</i>	0,02 mg/L	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)
7.		Xác định độ đục Phương pháp bán định lượng <i>Determination of turbidity Semi-quantitative method</i>	0,05 NTU	TCVN 12402-2:2020
8.		Xác định hàm lượng Sunfat Phương pháp đo độ đục <i>Determination of Sulfate content Turbidimetric method</i>	3,49 mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ -E:2023
9.		Xác định hàm lượng Mangan Phương pháp trắc quang dùng fomaldoxim <i>Determination of Manganese content Formaldoxime spectrometric method</i>	0,05 mg/L	TCVN 6002:1995

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1206**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định hàm lượng Nitrat Phương pháp trắc phổ dùng axit sunfosalixylic <i>Determination of Nitrate content Spectrometric method using sulfosalicylic acid</i>	2,91 mg/L	TCVN 6180:1996
11.		Xác định pH <i>Determination of pH</i>	2 ~ 12	TCVN 6492:2011

Ghi chú/Note:SMEWW: *Standard Methods for the examination of Water and Wastewater*TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Viet Nam Standard*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1206****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh***Field of testing: Biological*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Định lượng Coliforms Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Coliforms. Membrane filtration method</i>		TCVN 6187-1:2019
2.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Escherichia coli Membrane filtration method</i>		TCVN 6187-1:2019

Ghi chú/Note:TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Viet Nam Standard*

Trường hợp Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Gia Lai center for disease control that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

